



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ

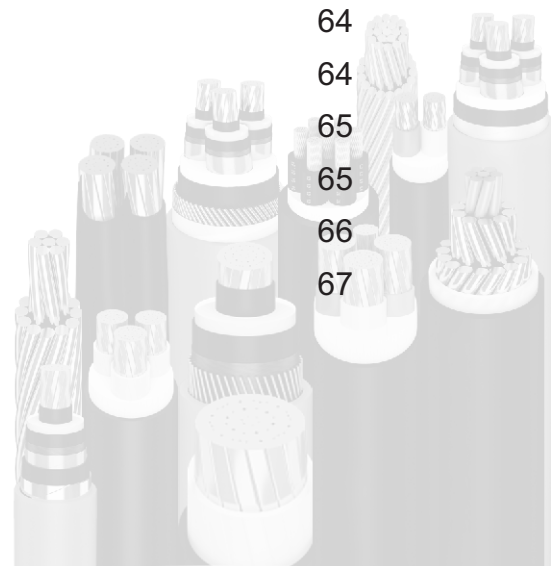
SẢN PHẨM CÁP HẠ THỂ VÀ DÂY DÂN DỤNG

Bảng giá có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 cho đến khi có thông báo mới

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025



CÁP ĐỒNG HẠ THỂ	3
Cáp đồng trần C?; CF?	4
Cáp đồng đơn CV 1x? (Tiết diện từ 16mm ² trở lên)	6
Cáp đồng treo CVV 3x+1x?	7
Cáp đồng treo CXV 1x?; 2x?; 3x?; 3x+1x?; 4x?; 3x+2x?	8
Cáp điện kế MULLER 2x?	14
Cáp đồng ngầm 1 ruột DATA 1x ?	14
Cáp đồng ngầm nhiều ruột DSTA 2x?; 3x?; 3x+1x?; 4x?; 3x+2x?	15
CÁP CHẠM CHÁY, CHỐNG CHÁY	20
Cáp chậm cháy FSN	21
Cáp chống cháy FRN	31
CÁP CAO SU	38
Cáp hàn CNR 1x?	39
Cáp CRR 1x?; CRR 2x?; CRR 3x?; CRR 3x+1x?; CRR 4x?	40
CÁP ĐIỀU KHIỂN	45
Cáp điều khiển không lưới chống nhiễu DVV ?	46
Cáp điều khiển có lưới chống nhiễu DVV/SB ?	49
CÁP NHÔM HẠ THỂ	52
Cáp nhôm trần A?	53
Cáp nhôm trần lõi thép As?	54
Cáp nhôm bọc AV ?; AXV 1x?; AXV 4x?; ADSTA 3x+1x?; ADSTA 4x?; AsV ?	55
Cáp nhôm vặn xoắn ABC 2x; ABC 3x?; ABC 4x?	61
DÂY DÂN DỤNG	63
Dây xúp dích VCmD 2x?	64
Dây đơn mềm VCSF 1x?	64
Dây đơn 7 sợi CV 1x? (Tiết diện ≤ 10mm ²)	65
Dây ôvan mềm VCTFK 2x?	65
Dây tròn mềm VCTF 2,3,4,5 x?	66
Dây đơn 1 sợi cứng VCSH 1x?	67





CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP ĐỒNG HẠ THỂ



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADISUN®**

CÁP ĐỒNG TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064
Quy cách sản phẩm: Cu không ủ mền, bện tròn cấp 2 và không ép chặt

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Khối lượng gần đúng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính			Kg/m	Giá bán sỉ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK				
1	C4	1	2.20				419,504	440,479	15,000
2	C 6	1	2.80				418,287	439,201	20,000
3	C 10	1	3.57				417,645	438,527	15,000
4	C 16	7	1.70				412,663	433,296	10,000
5	C 25	7	2.13				412,397	433,017	6,000
6	C 35	7	2.51				412,295	432,909	5,000
7	C 50	7	3.00				413,338	434,005	4,000
8	C 70	19	2.13				412,978	433,627	4,000
9	C 95	19	2.51				412,711	433,347	2,000
10	C 120	19	2.80				412,820	433,461	2,000
11	C 150	37	2.25				412,742	433,379	1,500
12	C 185	37	2.51				412,649	433,282	1,500
13	C 240	37	2.84				412,485	433,110	1,000
14	C 300	37	3.15				412,368	432,986	1,000
15	C 400	37	3.66				412,185	432,794	1,000
16	C 500	61	3.20				412,492	433,116	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064 & TCVN 6612
Quy cách sản phẩm: Cu ủ mền, bện tròn cấp 2 và ép chặt với sản phẩm $\geq 10\text{mm}^2$

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Khối lượng gần đúng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)	
		Dây pha		Trung tính			Kg/m	Giá bán sỉ (VNĐ/kg)		Giá bán lẻ (VNĐ/kg)
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK					
1	C 1.5	7	0.52				422,486	443,610	20,000	
2	C 2.5	7	0.67				420,768	441,806	15,000	
3	C 4	7	0.85				419,663	440,646	15,000	
4	C 6	7	1.04				419,016	439,967	15,000	
5	CF 10	7	Compact				417,800	438,690	15,000	
6	CF 16	7	Compact				412,950	433,597	8,000	
7	CF 25	7	Compact				412,866	433,509	4,000	
8	CF 35	7	Compact				412,546	433,174	4,000	
9	CF 50	7	Compact				413,513	434,189	4,000	
10	CF 70	19	Compact				412,914	433,560	4,000	
11	CF 95	19	Compact				412,821	433,462	2,000	
12	CF 120	19	Compact				412,774	433,413	2,000	
13	CF 150	19	Compact				412,452	433,074	2,000	
14	CF 185	37	Compact				412,438	433,060	1,500	
15	CF 240	37	Compact				412,412	433,032	1,000	
16	CF 300	37	Compact				412,253	432,866	1,000	
17	CF 400	61	Compact				413,021	433,673	1,000	
18	CF 500	61	Compact				413,294	433,959	1,000	
19	CF 630	61	Compact				412,899	433,544	1,000	
20	CF 800	61	Compact				412,495	433,120	1,000	

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1:2005

Quy cách: Cu/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CV 1x16 (V-75)	7	Compact			60,164	63,172	100m/cuộn
2	CV 1x25 (V-75)	7	Compact			93,284	97,948	100m/cuộn
3	CV 1x35 (V-75)	7	Compact			128,865	135,308	2000m/Lô
4	CV 1x50 (V-75)	7	Compact			176,253	185,066	2000m/Lô
5	CV 1x70 (V-75)	7	Compact			251,438	264,010	2000m/Lô
6	CV 1x95 (V-75)	7	Compact			348,991	366,440	2000m/Lô
7	CV 1x120 (V-75)	7	Compact			438,625	460,556	2000m/Lô
8	CV 1x150 (V-75)	7	Compact			545,054	572,307	1000m/Lô
9	CV 1x185 (V-75)	7	Compact			678,008	711,908	1000m/Lô
10	CV 1x240 (V-75)	19	Compact			893,589	938,269	1000m/Lô
11	CV 1x300 (V-75)	19	Compact			1,118,061	1,173,964	1000m/Lô
12	CV 1x400 (V-75)	19	Compact			1,448,168	1,520,576	500m/Lô
13	CV 1x500 (V-75)	19	Compact			1,834,443	1,926,165	500m/Lô
14	CV 1x630 (V-75)	19	Compact			2,367,978	2,486,377	500m/Lô
15	CV 1x800 (V-75)	19	Compact			3,026,584	3,177,913	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG 4 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN PVC, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/PVC/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CVV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	44,882	47,126	2,000
2	CVV 3x4+1x2.5	7	0.85	7	0.67	68,078	71,482	2,000
3	CVV 3x6+1x4	7	1.04	7	0.85	95,260	100,023	2,000
4	CVV 3x10x1x6	7	Compact	7	1.04	147,386	154,755	1,000
5	CVV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	226,726	238,062	1,000
6	CVV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	350,868	368,411	1,000
7	CVV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	462,272	485,385	1,000
8	CVV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	496,567	521,396	1,000
9	CVV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	645,559	677,837	1,000
10	CVV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	683,949	718,146	1,000
11	CVV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	910,535	956,062	1,000
12	CVV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	960,180	1,008,189	1,000
13	CVV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1,264,714	1,327,950	1,000
14	CVV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1,341,307	1,408,372	1,000
15	CVV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1,614,096	1,694,801	500
16	CVV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	1,715,731	1,801,518	500
17	CVV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	1,942,532	2,039,658	500
18	CVV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2,046,136	2,148,443	500
19	CVV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2,136,147	2,242,954	500
20	CVV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	2,453,878	2,576,572	500
21	CVV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	2,546,546	2,673,873	500
22	CVV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	2,656,269	2,789,082	500
23	CVV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3,204,225	3,364,436	250
24	CVV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	3,314,676	3,480,410	250
25	CVV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	3,450,532	3,623,058	250
26	CVV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4,005,225	4,205,486	250
27	CVV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	4,142,072	4,349,176	250
28	CVV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	4,365,586	4,583,865	250
29	CVV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	5,381,444	5,650,516	250
30	CVV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	5,614,387	5,895,107	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nèn đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 1x1.5	7	0.52			7,533	7,909	200m/cuộn
2	CXV 1x2.5	7	0.67			11,461	12,034	200m/cuộn
3	CXV 1x4	7	0.85			17,757	18,645	200m/cuộn
4	CXV 1x6	7	1.04			25,338	26,605	200m/cuộn
5	CXV 1x10	7	compact			40,227	42,239	200m/cuộn
6	CXV 1x16	7	compact			61,956	65,054	200m/cuộn
7	CXV 1x25	7	compact			95,286	100,051	200m/cuộn
8	CXV 1x35	7	compact			131,209	137,770	2000m/Lô
9	CXV 1x50	7	compact			178,695	187,630	2000m/Lô
10	CXV 1x70	19	compact			254,458	267,181	2000m/Lô
11	CXV 1x95	19	compact			352,106	369,712	2000m/Lô
12	CXV 1x120	19	compact			442,544	464,672	1000m/Lô
13	CXV 1x150	19	compact			549,466	576,939	1000m/Lô
14	CXV 1x185	37	compact			683,650	717,833	1000m/Lô
15	CXV 1x240	37	compact			899,316	944,281	1000m/Lô
16	CXV 1x300	37	compact			1,123,989	1,180,188	1000m/Lô
17	CXV 1x400	61	compact			1,455,982	1,528,782	500m/Lô
18	CXV 1x500	61	compact			1,842,752	1,934,889	500m/Lô
19	CXV 1x630	61	compact			2,380,331	2,499,348	500m/Lô
20	CXV 1x800	61	compact			3,042,588	3,194,718	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 2x1.5	7	0.52			16,383	17,203	200m/cuộn
2	CXV 2x2.5	7	0.67			24,625	25,856	200m/cuộn
3	CXV 2x4	7	0.85			37,489	39,364	200m/cuộn
4	CXV 2x6	7	1.04			54,930	57,677	3000m/Lô
5	CXV 2x10	7	compact			85,178	89,437	2000m/Lô
6	CXV 2x16	7	compact			129,653	136,136	2000m/Lô
7	CXV 2x25	7	compact			199,716	209,702	2000m/Lô
8	CXV 2x35	7	compact			273,294	286,959	1000m/Lô
9	CXV 2x50	19	compact			370,680	389,214	1000m/Lô
10	CXV 2x70	19	compact			527,293	553,657	1000m/Lô
11	CXV 2x95	19	compact			726,879	763,223	1000m/Lô
12	CXV 2x120	19	compact			903,976	949,175	1000m/Lô
13	CXV 2x150	19	compact			1,122,289	1,178,404	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG 3 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 3x1.5	7	0.52			25,119	26,375	2,000
2	CXV 3x2.5	7	0.67			36,818	38,659	2,000
3	CXV 3x4	7	0.85			56,228	59,039	2,000
4	CXV 3x6	7	1.04			79,504	83,480	2,000
5	CXV 3x10	7	compact			125,027	131,279	2,000
6	CXV 3x16	7	compact			189,731	199,217	2,000
7	CXV 3x25	7	compact			294,352	309,070	1,000
8	CXV 3x35	7	compact			402,706	422,841	1,000
9	CXV 3x50	7	compact			547,885	575,279	1,000
10	CXV 3x70	19	compact			780,582	819,612	1,000
11	CXV 3x95	19	compact			1,078,552	1,132,479	1,000
12	CXV 3x120	19	compact			1,342,234	1,409,346	1,000
13	CXV 3x150	19	compact			1,665,943	1,749,240	500
14	CXV 3x185	37	compact			2,069,994	2,173,493	500
15	CXV 3x240	37	compact			2,724,369	2,860,587	250
16	CXV 3x300	37	compact			3,404,022	3,574,223	250
17	CXV 3x400	61	compact			4,404,270	4,624,484	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG 4 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	43,893	46,088	2,000
2	CXV 3x4+1x2.5	7	0.85	7	0.67	67,299	70,664	2,000
3	CXV 3x6+1x4	7	1.04	7	0.85	96,314	101,130	2,000
4	CXV 3x10+1x6	7	Compact	7	1.04	148,998	156,447	1,000
5	CXV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	230,681	242,215	1,000
6	CXV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	354,721	372,457	1,000
7	CXV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	462,768	485,906	1,000
8	CXV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	498,007	522,908	1,000
9	CXV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	643,191	675,350	1,000
10	CXV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	679,433	713,405	1,000
11	CXV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	910,868	956,411	1,000
12	CXV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	958,706	1,006,642	1,000
13	CXV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1,244,510	1,306,735	1,000
14	CXV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1,321,775	1,387,864	1,000
15	CXV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1,595,484	1,675,259	500
16	CXV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	1,693,442	1,778,115	500
17	CXV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	1,916,782	2,012,621	500
18	CXV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2,014,682	2,115,416	500
19	CXV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2,106,199	2,211,509	500
20	CXV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	2,421,470	2,542,543	500
21	CXV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	2,513,997	2,639,697	500
22	CXV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	2,621,162	2,752,220	500
23	CXV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3,164,130	3,322,337	250
24	CXV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	3,271,445	3,435,017	250
25	CXV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	3,405,800	3,576,090	250
26	CXV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	3,948,007	4,145,408	250
27	CXV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	4,083,713	4,287,899	250
28	CXV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	4,301,205	4,516,265	250
29	CXV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	5,308,211	5,573,622	250
30	CXV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	5,533,874	5,810,567	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 4x1.5	7	0.52			31,711	33,297	2,000
2	CXV 4x2.5	7	0.67			47,881	50,275	2,000
3	CXV 4x4	7	0.85			72,919	76,564	2,000
4	CXV 4x6	7	1.04			104,055	109,258	2,000
5	CXV 4x10	7	compact			164,286	172,500	2,000
6	CXV 4x16	7	compact			250,443	262,965	1,000
7	CXV 4x25	7	compact			389,234	408,696	1,000
8	CXV 4x35	7	compact			534,090	560,795	1,000
9	CXV 4x50	7	compact			727,209	763,569	1,000
10	CXV 4x70	19	compact			1,037,257	1,089,120	1,000
11	CXV 4x95	19	compact			1,420,463	1,491,486	500
12	CXV 4x120	19	compact			1,783,977	1,873,176	500
13	CXV 4x150	19	compact			2,215,696	2,326,481	500
14	CXV 4x185	37	compact			2,756,432	2,894,254	500
15	CXV 4x240	37	compact			3,623,214	3,804,374	250
16	CXV 4x300	37	compact			4,527,865	4,754,258	250
17	CXV 4x400	61	compact			5,863,306	6,156,471	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG 5 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH VÀ 1 LỖ TIẾP ĐẤT NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 3x2.5+2x1.5	7	0.67	7	0.52	51,483	54,057	2,000
2	CXV 3x4+2x2.5	7	0.85	7	0.67	79,182	83,141	2,000
3	CXV 3x6+2x4	7	1.04	7	0.85	114,591	120,321	2,000
4	CXV 3x10+2x6	7	Compact	7	1.04	175,614	184,395	1,000
5	CXV 3x16+2x10	7	Compact	7	Compact	273,009	286,660	1,000
6	CXV 3x25+2x16	7	Compact	7	Compact	419,061	440,015	1,000
7	CXV 3x35+2x16	7	Compact	7	Compact	528,498	554,923	1,000
8	CXV 3x35+2x25	7	Compact	7	Compact	597,786	627,675	1,000
9	CXV 3x50+2x25	7	Compact	7	Compact	744,189	781,398	1,000
10	CXV 3x50+2x35	7	Compact	7	Compact	817,759	858,647	1,000
11	CXV 3x70+2x35	19	Compact	7	Compact	1,051,094	1,103,649	1,000
12	CXV 3x70+2x50	19	Compact	7	Compact	1,147,494	1,204,869	1,000
13	CXV 3x95+2x50	19	Compact	7	Compact	1,432,332	1,503,949	1,000
14	CXV 3x95+2x70	19	Compact	19	Compact	1,584,216	1,663,426	1,000
15	CXV 3x120+2x70	19	Compact	19	Compact	1,861,288	1,954,352	500
16	CXV 3x120+2x95	19	Compact	19	Compact	2,059,859	2,162,852	500
17	CXV 3x150+2x70	19	Compact	19	Compact	2,187,223	2,296,584	500
18	CXV 3x150+2x95	19	Compact	19	Compact	2,385,091	2,504,346	500
19	CXV 3x150+2x120	19	Compact	19	Compact	2,566,212	2,694,522	500
20	CXV 3x185+2x95	37	Compact	19	Compact	2,790,567	2,930,095	500
21	CXV 3x185+2x120	37	Compact	19	Compact	2,971,903	3,120,498	500
22	CXV 3x185+2x150	37	Compact	19	Compact	3,187,390	3,346,759	500
23	CXV 3x240+2x120	37	Compact	19	Compact	3,625,763	3,807,051	250
24	CXV 3x240+2x150	37	Compact	19	Compact	3,846,260	4,038,573	250
25	CXV 3x240+2x185	37	Compact	37	Compact	4,115,207	4,320,968	250
26	CXV 3x300+2x150	37	Compact	19	Compact	4,529,514	4,755,990	250
27	CXV 3x300+2x185	37	Compact	37	Compact	4,800,149	5,040,157	250
28	CXV 3x300+2x240	37	Compact	37	Compact	5,238,380	5,500,300	250
29	CXV 3x400+2x240	61	Compact	37	Compact	6,241,713	6,553,799	250
30	CXV 3x400+2x300	61	Compact	37	Compact	6,698,407	7,033,328	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa
 Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐIỆN KẾ 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC
 Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	MULLER 2x4.0	7	0.85			45,803	48,094	1,000
2	MULLER 2x6.0	7	1.04			62,988	66,137	1,000
3	MULLER 2x7.0	7	1.13			71,771	75,359	1,000
4	MULLER 2x10	7	Compact			93,632	98,313	1,000
5	MULLER 2x11	7	Compact			98,808	103,748	1,000
6	MULLER 2x16	7	Compact			139,222	146,183	1,000
7	MULLER 2x25	7	Compact			210,858	221,401	1,000

CÁP NGẮM 1 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC
 Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DATA 1x10	7	compact			53,932	56,628	200/cuộn
2	DATA 1x16	7	compact			77,826	81,718	2000m/Lô
3	DATA 1x25	7	compact			114,629	120,360	2000m/Lô
4	DATA 1x35	7	compact			152,284	159,899	2000m/Lô
5	DATA 1x50	7	compact			200,174	210,183	2000m/Lô
6	DATA 1x70	19	compact			279,333	293,300	2000m/Lô
7	DATA 1x95	19	compact			377,015	395,866	1000m/Lô
8	DATA 1x120	19	compact			469,274	492,738	1000m/Lô
9	DATA 1x150	19	compact			578,519	607,445	1000m/Lô
10	DATA 1x185	37	compact			714,747	750,485	1000m/Lô
11	DATA 1x240	37	compact			934,636	981,368	1000m/Lô
12	DATA 1x300	37	compact			1,164,760	1,222,998	500m/Lô
13	DATA 1x400	61	compact			1,501,492	1,576,567	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP NGẮM 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 2x1.5	7	0.52			24,839	26,081	2,000
2	DSTA 2x2.5	7	0.67			33,872	35,566	2,000
3	DSTA 2x4	7	0.85			47,433	49,804	2,000
4	DSTA 2x6	7	1.04			64,121	67,327	2,000
5	DSTA 2x10	7	compact			95,554	100,332	2,000
6	DSTA 2x16	7	compact			141,918	149,014	1,000
7	DSTA 2x25	7	compact			212,880	223,524	1,000
8	DSTA 2x35	7	compact			286,948	301,296	1,000
9	DSTA 2x50	7	compact			387,464	406,837	1,000
10	DSTA 2x70	19	compact			547,377	574,746	1,000
11	DSTA 2x95	19	compact			755,603	793,383	1,000
12	DSTA 2x120	19	compact			942,305	989,420	500
13	DSTA 2x150	19	compact			1,167,799	1,226,188	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẦM 3 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 3x1.5	7	0.52			33,969	35,668	2,000
2	DSTA 3x2.5	7	0.67			47,003	49,353	2,000
3	DSTA 3x4.0	7	0.85			66,182	69,491	2,000
4	DSTA 3x6.0	7	1.04			89,381	93,850	2,000
5	DSTA 3x10	7	compact			135,610	142,391	1,000
6	DSTA 3x16	7	compact			203,619	213,800	1,000
7	DSTA 3x25	7	compact			307,587	322,966	1,000
8	DSTA 3x35	7	compact			417,797	438,687	1,000
9	DSTA 3x50	7	compact			565,418	593,689	1,000
10	DSTA 3x70	19	compact			803,444	843,616	1,000
11	DSTA 3x95	19	compact			1,104,933	1,160,180	500
12	DSTA 3x120	19	compact			1,382,405	1,451,525	500
13	DSTA 3x150	19	compact			1,713,802	1,799,492	500
14	DSTA 3x185	37	compact			2,124,453	2,230,676	250
15	DSTA 3x240	37	compact			2,785,805	2,925,095	250
16	DSTA 3x300	37	compact			3,470,651	3,644,183	250
17	DSTA 3x400	61	compact			4,488,824	4,713,265	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP NGẦM 4 RUỘT (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	53,172	55,831	2,000
2	DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	77,429	81,300	2,000
3	DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	106,490	111,814	2,000
4	DSTA 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1.04	160,400	168,420	1,000
5	DSTA 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	243,601	255,781	1,000
6	DSTA 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	368,632	387,063	1,000
7	DSTA 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	478,311	502,227	1,000
8	DSTA 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	514,820	540,561	1,000
9	DSTA 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	660,692	693,727	1,000
10	DSTA 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	699,351	734,318	1,000
11	DSTA 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	946,366	993,684	1,000
12	DSTA 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	995,233	1,044,995	1,000
13	DSTA 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1,283,149	1,347,306	1,000
14	DSTA 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1,360,915	1,428,960	1,000
15	DSTA 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1,639,057	1,721,010	500
16	DSTA 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	1,739,070	1,826,024	500
17	DSTA 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	1,967,643	2,066,025	500
18	DSTA 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2,067,980	2,171,379	500
19	DSTA 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2,159,342	2,267,309	500
20	DSTA 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	2,477,260	2,601,123	500
21	DSTA 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	2,572,385	2,701,004	500
22	DSTA 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	2,681,007	2,815,058	500
23	DSTA 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3,225,828	3,387,119	250
24	DSTA 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	3,335,814	3,502,604	250
25	DSTA 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	3,471,573	3,645,151	250
26	DSTA 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4,018,668	4,219,601	250
27	DSTA 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	4,160,440	4,368,462	250
28	DSTA 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	4,378,945	4,597,892	250
29	DSTA 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	5,390,947	5,660,494	250
30	DSTA 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	5,619,582	5,900,561	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

Bảng giá sản phẩm Cấp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẮM 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 4x1.5	7	0.52			40,905	42,951	2,000
2	DSTA 4x2.5	7	0.67			57,720	60,606	2,000
3	DSTA 4x4.0	7	0.85			82,908	87,054	2,000
4	DSTA 4x6.0	7	1.04			114,673	120,407	2,000
5	DSTA 4x10	7	compact			176,146	184,953	1,000
6	DSTA 4x16	7	compact			266,234	279,545	1,000
7	DSTA 4x25	7	compact			404,140	424,347	1,000
8	DSTA 4x35	7	compact			551,344	578,912	1,000
9	DSTA 4x50	7	compact			747,804	785,194	1,000
10	DSTA 4x70	19	compact			1,073,995	1,127,695	500
11	DSTA 4x95	19	compact			1,460,219	1,533,229	500
12	DSTA 4x120	19	compact			1,830,097	1,921,602	500
13	DSTA 4x150	19	compact			2,268,332	2,381,748	250
14	DSTA 4x185	37	compact			2,816,673	2,957,506	250
15	DSTA 4x240	37	compact			3,690,660	3,875,194	250
16	DSTA 4x300	37	compact			4,608,975	4,839,423	250
17	DSTA 4x400	61	compact			5,988,495	6,287,920	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP NGẦM 5 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH VÀ 1 LỖ TIẾP ĐẤT NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 3x2.5+2x1.5	7	0.67	7	0.52	61,511	64,587	2,000
2	DSTA 3x4.0+2x2.5	7	0.85	7	0.67	90,143	94,650	2,000
3	DSTA 3x6.0+2x4.0	7	1.04	7	0.85	127,724	134,110	2,000
4	DSTA 3x10+2x6.0	7	Compact	7	1.04	190,880	200,424	1,000
5	DSTA 3x16+2x10	7	Compact	7	Compact	290,462	304,985	1,000
6	DSTA 3x25+2x16	7	Compact	7	Compact	436,570	458,398	1,000
7	DSTA 3x35+2x16	7	Compact	7	Compact	548,351	575,769	1,000
8	DSTA 3x35+2x25	7	Compact	7	Compact	618,818	649,759	1,000
9	DSTA 3x50+2x25	7	Compact	7	Compact	780,302	819,317	1,000
10	DSTA 3x50+2x35	7	Compact	7	Compact	853,995	896,695	1,000
11	DSTA 3x70+2x35	19	Compact	7	Compact	1,091,173	1,145,731	1,000
12	DSTA 3x70+2x50	19	Compact	7	Compact	1,190,137	1,249,643	1,000
13	DSTA 3x95+2x50	19	Compact	7	Compact	1,480,614	1,554,644	1,000
14	DSTA 3x95+2x70	19	Compact	19	Compact	1,637,013	1,718,864	1,000
15	DSTA 3x120+2x70	19	Compact	19	Compact	1,914,784	2,010,523	500
16	DSTA 3x120+2x95	19	Compact	19	Compact	2,117,770	2,223,659	500
17	DSTA 3x150+2x70	19	Compact	19	Compact	2,247,862	2,360,255	500
18	DSTA 3x150+2x95	19	Compact	19	Compact	2,445,980	2,568,279	500
19	DSTA 3x150+2x120	19	Compact	19	Compact	2,628,961	2,760,409	500
20	DSTA 3x185+2x95	37	Compact	19	Compact	2,857,433	3,000,305	500
21	DSTA 3x185+2x120	37	Compact	19	Compact	3,040,521	3,192,547	500
22	DSTA 3x185+2x150	37	Compact	19	Compact	3,260,615	3,423,646	500
23	DSTA 3x240+2x120	37	Compact	19	Compact	3,706,148	3,891,455	250
24	DSTA 3x240+2x150	37	Compact	19	Compact	3,924,798	4,121,038	250
25	DSTA 3x240+2x185	37	Compact	37	Compact	4,201,820	4,411,910	250
26	DSTA 3x300+2x150	37	Compact	19	Compact	4,652,284	4,884,898	250
27	DSTA 3x300+2x185	37	Compact	37	Compact	4,924,621	5,170,852	250
28	DSTA 3x300+2x240	37	Compact	37	Compact	5,363,660	5,631,844	250
29	DSTA 3x400+2x240	61	Compact	37	Compact	6,386,228	6,705,540	250
30	DSTA 3x400+2x300	61	Compact	37	Compact	6,851,231	7,193,793	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]
Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
★ ★ ★ ★ ★

CÁP CHẬM CHÁY, CHỐNG CHÁY



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẠM CHÁY, MỘT LỖI, KHÔNG GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1:2005; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CV 1.5 (V-75 Cam 1)	7	0.52			6,540	6,867	100
2	FSN-CV 2.5 (V-75 Cam 1)	7	0.67			10,412	10,933	100
3	FSN-CV 4.0 (V-75 Cam 1)	7	0.85			16,778	17,617	100
4	FSN-CV 6.0 (V-75 Cam 1)	7	1.04			24,284	25,498	100
5	FSN-CV 10 (V-75 Cam 1)	7	compact			38,961	40,909	100
6	FSN-CV 16 (V-75 Cam 1)	7	compact			60,435	63,457	100
7	FSN-CV 25 (V-75 Cam 1)	7	compact			94,503	99,228	100
8	FSN-CV 35 (V-75 Cam 1)	7	compact			130,305	136,820	2,000
9	FSN-CV 50 (V-75 Cam 1)	7	compact			178,235	187,147	2,000
10	FSN-CV 70 (V-75 Cam 1)	19	compact			253,795	266,485	2,000
11	FSN-CV 95 (V-75 Cam 1)	19	compact			352,132	369,739	2,000
12	FSN-CV 120 (V-75 Cam 1)	19	compact			442,154	464,261	1,000
13	FSN-CV 150 (V-75 Cam 1)	19	compact			549,482	576,956	1,000
14	FSN-CV 185 (V-75 Cam 1)	37	compact			683,201	717,362	1,000
15	FSN-CV 240 (V-75 Cam 1)	37	compact			900,177	945,186	1,000
16	FSN-CV 300 (V-75 Cam 1)	37	compact			1,126,443	1,182,766	1,000
17	FSN-CV 400 (V-75 Cam 1)	61	compact			1,457,806	1,530,697	500
18	FSN-CV 500 (V-75 Cam 1)	61	compact			1,846,329	1,938,645	500
19	FSN-CV 630 (V-75 Cam 1)	61	compact			2,381,714	2,500,800	500
20	FSN-CV 800 (V-75 Cam 1)	61	compact			3,041,716	3,193,802	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CÓ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẠM CHÁY, MỘT LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 1x1.5	7	0.52			8,520	8,946	200m/cuộn
2	FSN-CXV 1x2.5	7	0.67			12,538	13,165	200m/cuộn
3	FSN-CXV 1x4.0	7	0.85			18,965	19,913	200m/cuộn
4	FSN-CXV 1x6.0	7	1.04			26,417	27,738	200m/cuộn
5	FSN-CXV 1x10	7	compact			41,290	43,355	200m/cuộn
6	FSN-CXV 1x16	7	compact			63,024	66,175	200m/cuộn
7	FSN-CXV 1x25	7	compact			97,263	102,126	200m/cuộn
8	FSN-CXV 1x35	7	compact			133,421	140,092	2000m/lô
9	FSN-CXV 1x50	7	compact			181,179	190,238	2000m/lô
10	FSN-CXV 1x70	19	compact			257,399	270,269	2000m/lô
11	FSN-CXV 1x95	19	compact			355,647	373,430	2000m/lô
12	FSN-CXV 1x120	19	compact			446,433	468,755	1000m/lô
13	FSN-CXV 1x150	19	compact			554,084	581,788	1000m/lô
14	FSN-CXV 1x185	37	compact			689,050	723,502	1000m/lô
15	FSN-CXV 1x240	37	compact			905,306	950,572	1000m/lô
16	FSN-CXV 1x300	37	compact			1,130,954	1,187,502	1000m/lô
17	FSN-CXV 1x400	61	compact			1,464,732	1,537,968	500m/lô
18	FSN-CXV 1x500	61	compact			1,853,134	1,945,790	500m/lô
19	FSN-CXV 1x630	61	compact			2,392,627	2,512,259	500m/lô
20	FSN-CXV 1x800	61	compact			3,057,614	3,210,494	500m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẬM CHÁY, HAI LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 2x1.5 (đặc)	7	0.52			20,239	21,251	200m/cuộn
2	FSN-CXV 2x2.5 (đặc)	7	0.67			28,818	30,259	200m/cuộn
3	FSN-CXV 2x4.0 (đặc)	7	0.85			42,246	44,359	200m/cuộn
4	FSN-CXV 2x6.0	7	1.04			58,107	61,012	3000m/lô
5	FSN-CXV 2x10	7	compact			88,948	93,396	2000m/lô
6	FSN-CXV 2x16	7	compact			133,766	140,454	2000m/lô
7	FSN-CXV 2x25	7	compact			204,820	215,062	2000m/lô
8	FSN-CXV 2x35	7	compact			278,771	292,710	1000m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

CADI-SUN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẬM CHÁY, BA LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 3x1.5	7	0.52			27,590	28,970	2,000
2	FSN-CXV 3x2.5	7	0.67			39,543	41,520	2,000
3	FSN-CXV 3x4.0	7	0.85			59,338	62,305	2,000
4	FSN-CXV 3x6.0	7	1.04			82,993	87,143	2,000
5	FSN-CXV 3x10	7	compact			128,887	135,331	2,000
6	FSN-CXV 3x16	7	compact			192,245	201,857	2,000
7	FSN-CXV 3x25	7	compact			296,661	311,494	1,000
8	FSN-CXV 3x35	7	compact			404,585	424,814	1,000
9	FSN-CXV 3x50	7	compact			549,156	576,614	1,000
10	FSN-CXV 3x70	19	compact			781,691	820,776	1,000
11	FSN-CXV 3x95	19	compact			1,078,299	1,132,214	1,000
12	FSN-CXV 3x120	19	compact			1,354,029	1,421,731	1,000
13	FSN-CXV 3x150	19	compact			1,680,337	1,764,354	500
14	FSN-CXV 3x185	37	compact			2,086,506	2,190,832	500
15	FSN-CXV 3x240	37	compact			2,744,492	2,881,717	250
16	FSN-CXV 3x300	37	compact			3,427,750	3,599,138	250
17	FSN-CXV 3x400	61	compact			4,432,698	4,654,333	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025



Phạm Lương Hòa



CADI-SUN®
Dây điện tốt. Cấp điện bền

CHẤT LƯỢNG
★★★★★

PL-QT-QC-02-05



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP CHẬM CHÁY, BỐN LỖ(MỘT LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	46,829	49,171	2,000
2	FSN-CXV 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	70,624	74,156	2,000
3	FSN-CXV 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	100,032	105,034	2,000
4	FSN-CXV 3x10x1x6.0	7	compact	7	1.04	153,111	160,767	1,000
5	FSN-CXV 3x16+1x10	7	compact	7	compact	235,409	247,180	1,000
6	FSN-CXV 3x25+1x16	7	compact	7	compact	360,266	378,279	1,000
7	FSN-CXV 3x35+1x16	7	compact	7	compact	468,830	492,272	1,000
8	FSN-CXV 3x35+1x25	7	compact	7	compact	504,346	529,564	1,000
9	FSN-CXV 3x50+1x25	7	compact	7	compact	650,545	683,073	1,000
10	FSN-CXV 3x50+1x35	7	compact	7	compact	686,986	721,336	1,000
11	FSN-CXV 3x70+1x35	19	compact	7	compact	919,957	965,955	1,000
12	FSN-CXV 3x70+1x50	19	compact	7	compact	968,034	1,016,436	1,000
13	FSN-CXV 3x95+1x50	19	compact	7	compact	1,255,144	1,317,901	500
14	FSN-CXV 3x95+1x70	19	compact	19	compact	1,333,329	1,399,995	500
15	FSN-CXV 3x120+1x70	19	compact	19	compact	1,608,490	1,688,915	500
16	FSN-CXV 3x120+1x95	19	compact	19	compact	1,706,791	1,792,130	500
17	FSN-CXV 3x150+1x70	19	compact	19	compact	1,931,596	2,028,175	500
18	FSN-CXV 3x150+1x95	19	compact	19	compact	2,029,853	2,131,346	500
19	FSN-CXV 3x150+1x120	19	compact	19	compact	2,122,371	2,228,490	500
20	FSN-CXV 3x185+1x95	37	compact	19	compact	2,439,267	2,561,231	500
21	FSN-CXV 3x185+1x120	37	compact	19	compact	2,532,155	2,658,763	500
22	FSN-CXV 3x185+1x150	37	compact	19	compact	2,639,787	2,771,777	500
23	FSN-CXV 3x240+1x120	37	compact	19	compact	3,185,671	3,344,954	250
24	FSN-CXV 3x240+1x150	37	compact	19	compact	3,293,488	3,458,163	250
25	FSN-CXV 3x240+1x185	37	compact	37	compact	3,428,304	3,599,719	250
26	FSN-CXV 3x300+1x150	37	compact	19	compact	3,972,565	4,171,194	250
27	FSN-CXV 3x300+1x185	37	compact	37	compact	4,109,644	4,315,126	250
28	FSN-CXV 3x300+1x240	37	compact	37	compact	4,328,363	4,544,781	250
29	FSN-CXV 3x400+1x240	61	compact	37	compact	5,341,350	5,608,417	250
30	FSN-CXV 3x400+1x300	61	compact	37	compact	5,570,761	5,849,299	250

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025



Phạm Lương Hòa



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẬM CHÁY, BỐN LỖ ĐỀU NHAU, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 4x1.5	7	0.52			34,430	36,151	2,000
2	FSN-CXV 4x2.5	7	0.67			50,880	53,424	2,000
3	FSN-CXV 4x4.0	7	0.85			76,490	80,315	2,000
4	FSN-CXV 4x6.0	7	1.04			107,886	113,281	2,000
5	FSN-CXV 4x10	7	compact			168,515	176,940	2,000
6	FSN-CXV 4x16	7	compact			255,612	268,392	1,000
7	FSN-CXV 4x25	7	compact			395,001	414,751	1,000
8	FSN-CXV 4x35	7	compact			540,618	567,649	1,000
9	FSN-CXV 4x50	7	compact			734,985	771,734	1,000
10	FSN-CXV 4x70	19	compact			1,047,447	1,099,819	1,000
11	FSN-CXV 4x95	19	compact			1,432,343	1,503,960	500
12	FSN-CXV 4x120	19	compact			1,797,646	1,887,529	500
13	FSN-CXV 4x150	19	compact			2,232,355	2,343,973	500
14	FSN-CXV 4x185	37	compact			2,776,243	2,915,055	500
15	FSN-CXV 4x240	37	compact			3,647,283	3,829,647	250
16	FSN-CXV 4x300	37	compact			4,556,073	4,783,876	250
17	FSN-CXV 4x400	61	compact			5,898,072	6,192,976	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nén đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADISUN®**

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY, HAI LỖ ĐỀU NHAU, CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 2x1.5 (đặc)	7	0.52			27,587	28,966	2,000
2	FSN-DSTA 2x2.5 (đặc)	7	0.67			36,704	38,540	2,000
3	FSN-DSTA 2x4.0 (đặc)	7	0.84			50,497	53,022	2,000
4	FSN-DSTA 2x6.0	7	1.03			68,159	71,567	2,000
5	FSN-DSTA 2x10	7	compact			99,934	104,931	2,000
6	FSN-DSTA 2x16	7	compact			146,854	154,197	2,000
7	FSN-DSTA 2x25	7	compact			218,446	229,368	1,000
8	FSN-DSTA 2x35	7	compact			293,101	307,756	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

CADI-SUN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY, BA LỖI ĐỀU NHAU, CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 3x1.5	7	0.52			37,158	39,016	2,000
2	FSN-DSTA 3x2.5	7	0.67			50,470	52,993	2,000
3	FSN-DSTA 3x4.0	7	0.85			69,980	73,479	2,000
4	FSN-DSTA 3x6.0	7	1.04			93,523	98,199	2,000
5	FSN-DSTA 3x10	7	compact			140,130	147,137	2,000
6	FSN-DSTA 3x16	7	compact			208,725	219,162	1,000
7	FSN-DSTA 3x25	7	compact			313,460	329,133	1,000
8	FSN-DSTA 3x35	7	compact			424,300	445,515	1,000
9	FSN-DSTA 3x50	7	compact			573,158	601,816	1,000
10	FSN-DSTA 3x70	19	compact			813,590	854,269	1,000
11	FSN-DSTA 3x95	19	compact			1,116,958	1,172,806	500
12	FSN-DSTA 3x120	19	compact			1,396,731	1,466,567	500
13	FSN-DSTA 3x150	19	compact			1,730,424	1,816,945	500
14	FSN-DSTA 3x185	37	compact			2,144,053	2,251,255	250
15	FSN-DSTA 3x240	37	compact			2,809,467	2,949,940	250
16	FSN-DSTA 3x300	37	compact			3,498,183	3,673,092	250
17	FSN-DSTA 3x400	61	compact			4,521,537	4,747,614	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nèn đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY 4 LỖ (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	56,938	59,785	2,000
2	FSN-DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	81,576	85,654	2,000
3	FSN-DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	110,965	116,513	2,000
4	FSN-DSTA 3x10x1x6.0	7	compact	7	1.04	165,234	173,495	2,000
5	FSN-DSTA 3x16+1x10	7	compact	7	compact	248,976	261,425	1,000
6	FSN-DSTA 3x25+1x16	7	compact	7	compact	374,818	393,559	1,000
7	FSN-DSTA 3x35+1x16	7	compact	7	compact	485,027	509,278	1,000
8	FSN-DSTA 3x35+1x25	7	compact	7	compact	522,122	548,228	1,000
9	FSN-DSTA 3x50+1x25	7	compact	7	compact	668,529	701,956	1,000
10	FSN-DSTA 3x50+1x35	7	compact	7	compact	707,930	743,327	1,000
11	FSN-DSTA 3x70+1x35	19	compact	7	compact	957,678	1,005,562	1,000
12	FSN-DSTA 3x70+1x50	19	compact	7	compact	1,006,773	1,057,112	1,000
13	FSN-DSTA 3x95+1x50	19	compact	7	compact	1,295,775	1,360,563	500
14	FSN-DSTA 3x95+1x70	19	compact	19	compact	1,373,849	1,442,541	500
15	FSN-DSTA 3x120+1x70	19	compact	19	compact	1,653,616	1,736,297	500
16	FSN-DSTA 3x120+1x95	19	compact	19	compact	1,754,527	1,842,253	500
17	FSN-DSTA 3x150+1x70	19	compact	19	compact	1,984,671	2,083,904	500
18	FSN-DSTA 3x150+1x95	19	compact	19	compact	2,085,262	2,189,525	500
19	FSN-DSTA 3x150+1x120	19	compact	19	compact	2,176,869	2,285,712	250
20	FSN-DSTA 3x185+1x95	37	compact	19	compact	2,496,433	2,621,255	250
21	FSN-DSTA 3x185+1x120	37	compact	19	compact	2,592,775	2,722,414	250
22	FSN-DSTA 3x185+1x150	37	compact	19	compact	2,701,708	2,836,794	250
23	FSN-DSTA 3x240+1x120	37	compact	19	compact	3,248,754	3,411,191	250
24	FSN-DSTA 3x240+1x150	37	compact	19	compact	3,359,962	3,527,960	250
25	FSN-DSTA 3x240+1x185	37	compact	37	compact	3,495,985	3,670,784	250
26	FSN-DSTA 3x300+1x150	37	compact	19	compact	4,045,243	4,247,505	250
27	FSN-DSTA 3x300+1x185	37	compact	37	compact	4,188,269	4,397,682	250
28	FSN-DSTA 3x300+1x240	37	compact	37	compact	4,410,389	4,630,909	250
29	FSN-DSTA 3x400+1x240	61	compact	37	compact	5,423,857	5,695,049	250
30	FSN-DSTA 3x400+1x300	61	compact	37	compact	5,654,304	5,937,019	250

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY 4 LỖ ĐỀU NHAU, CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 4x1.5	7	0.52			44,291	46,506	2,000
2	FSN-DSTA 4x2.5	7	0.67			61,387	64,456	2,000
3	FSN-DSTA 4x4.0	7	0.85			86,949	91,297	2,000
4	FSN-DSTA 4x6.0	7	1.04			119,150	125,107	2,000
5	FSN-DSTA 4x10	7	compact			181,029	190,081	1,000
6	FSN-DSTA 4x16	7	compact			271,786	285,375	1,000
7	FSN-DSTA 4x25	7	compact			410,565	431,094	1,000
8	FSN-DSTA 4x35	7	compact			558,963	586,911	1,000
9	FSN-DSTA 4x50	7	compact			756,887	794,731	1,000
10	FSN-DSTA 4x70	19	compact			1,086,025	1,140,326	500
11	FSN-DSTA 4x95	19	compact			1,474,669	1,548,402	500
12	FSN-DSTA 4x120	19	compact			1,848,916	1,941,362	500
13	FSN-DSTA 4x150	19	compact			2,288,142	2,402,549	250
14	FSN-DSTA 4x185	37	compact			2,840,063	2,982,066	250
15	FSN-DSTA 4x240	37	compact			3,718,628	3,904,559	250
16	FSN-DSTA 4x300	37	compact			4,641,368	4,873,436	250
17	FSN-DSTA 4x400	61	compact			6,028,690	6,330,124	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY, MỘT LỖI, KHÔNG GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CV 1x1.5 (V-75)	7	0.52			7,660	8,043	100m/Cuộn
2	FRN-CV 1x2.5 (V-75)	7	0.67			11,702	12,287	100m/Cuộn
3	FRN-CV 1x4.0 (V-75)	7	0.85			18,511	19,436	100m/Cuộn
4	FRN-CV 1x6.0 (V-75)	7	1.04			26,185	27,494	100m/Cuộn
5	FRN-CV 1x10 (V-75)	7	compact			41,315	43,380	100m/Cuộn
6	FRN-CV 1x16 (V-75)	7	compact			63,355	66,523	100m/Cuộn
7	FRN-CV 1x25 (V-75)	7	compact			97,843	102,735	100m/Cuộn
8	FRN-CV 1x35 (V-75)	7	compact			134,073	140,776	2000m/Lô
9	FRN-CV 1x50 (V-75)	7	compact			182,475	191,599	2000m/Lô
10	FRN-CV 1x70 (V-75)	19	compact			258,630	271,561	2000m/Lô
11	FRN-CV 1x95 (V-75)	19	compact			357,678	375,562	2000m/Lô
12	FRN-CV 1x120 (V-75)	19	compact			448,152	470,560	1000m/Lô
13	FRN-CV 1x150 (V-75)	19	compact			556,120	583,926	1000m/Lô
14	FRN-CV 1x185 (V-75)	37	compact			691,394	725,963	1000m/Lô
15	FRN-CV 1x240 (V-75)	37	compact			909,501	954,976	1000m/Lô
16	FRN-CV 1x300 (V-75)	37	compact			1,136,897	1,193,741	1000m/Lô
17	FRN-CV 1x400 (V-75)	61	compact			1,470,771	1,544,310	500m/Lô
18	FRN-CV 1x 500 (V-75)	61	compact			1,861,799	1,954,889	500m/Lô
19	FRN-CV 1x 630 (V-75)	61	compact			2,400,356	2,520,373	500m/Lô
20	FRN-CV 1x 800 (V-75)	61	compact			3,065,569	3,218,847	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHỐNG CHÁY, MỘT LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 1x1.5	7	0.52			9,919	10,414	200m/cuộn
2	FRN-CXV 1x2.5	7	0.67			14,123	14,829	200m/cuộn
3	FRN-CXV 1x4.0	7	0.85			20,793	21,833	200m/cuộn
4	FRN-CXV 1x6.0	7	1.04			28,619	30,050	200m/cuộn
5	FRN-CXV 1x10	7	compact			43,946	46,143	200m/cuộn
6	FRN-CXV 1x16	7	compact			66,291	69,606	200m/cuộn
7	FRN-CXV 1x25	7	compact			100,963	106,011	200m/cuộn
8	FRN-CXV 1x35	7	compact			137,616	144,496	2000m/lô
9	FRN-CXV 1x50	7	compact			185,972	195,271	2000m/lô
10	FRN-CXV 1x70	19	compact			263,048	276,201	2000m/lô
11	FRN-CXV 1x95	19	compact			361,892	379,986	2000m/lô
12	FRN-CXV 1x120	19	compact			453,943	476,640	1000m/lô
13	FRN-CXV 1x150	19	compact			561,755	589,843	1000m/lô
14	FRN-CXV 1x185	37	compact			698,060	732,963	1000m/lô
15	FRN-CXV 1x240	37	compact			916,120	961,926	1000m/lô
16	FRN-CXV 1x300	37	compact			1,143,666	1,200,850	1000m/lô
17	FRN-CXV 1x400	61	compact			1,479,032	1,552,984	500m/lô
18	FRN-CXV 1x500	61	compact			1,871,060	1,964,613	500m/lô
19	FRN-CXV 1x630	61	compact			2,414,879	2,535,623	500m/lô
20	FRN-CXV 1x800	61	compact			3,083,848	3,238,041	500m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHỐNG CHÁY, HAI LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 2x1.5 (Đặc)	7	0.52			23,158	24,316	200m/cuộn
2	FRN-CXV 2x2.5 (Đặc)	7	0.67			32,317	33,933	200m/cuộn
3	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	7	0.85			46,433	48,755	200m/cuộn
5	FRN-CXV 2x6.0	7	1.04			62,631	65,763	3000m/lô
6	FRN-CXV 2x10	7	compact			93,962	98,660	2000m/lô
7	FRN-CXV 2x16	7	compact			138,475	145,398	2000m/lô
8	FRN-CXV 2x25	7	compact			211,067	221,620	2000m/lô
9	FRN-CXV 2x35	7	compact			285,360	299,628	1000m/lô
10	FRN-CXV 2x50	7	compact			384,109	403,314	1000m/lô
11	FRN-CXV 2x70	19	compact			541,748	568,836	1000m/lô
12	FRN-CXV 2x95	19	compact			744,465	781,688	1000m/lô
13	FRN-CXV 2x120	19	compact			931,470	978,044	500m/lô
14	FRN-CXV 2x150	19	compact			1,152,629	1,210,261	500m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHỐNG CHÁY, BA LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 3x1.5	7	0.52			32,257	33,870	2,000
2	FRN-CXV 3x2.5	7	0.67			44,752	46,989	2,000
3	FRN-CXV 3x4.0	7	0.85			65,471	68,745	2,000
4	FRN-CXV 3x6.0	7	1.04			89,339	93,805	2,000
5	FRN-CXV 3x10	7	compact			135,934	142,730	2,000
6	FRN-CXV 3x16	7	compact			200,591	210,621	2,000
7	FRN-CXV 3x25	7	compact			308,283	323,697	1,000
8	FRN-CXV 3x35	7	compact			418,334	439,250	1,000
9	FRN-CXV 3x50	7	compact			565,101	593,356	1,000
10	FRN-CXV 3x70	19	compact			798,926	838,872	1,000
11	FRN-CXV 3x95	19	compact			1,098,655	1,153,588	1,000
12	FRN-CXV 3x120	19	compact			1,377,849	1,446,741	1,000
13	FRN-CXV 3x150	19	compact			1,703,535	1,788,712	500
14	FRN-CXV 3x185	37	compact			2,118,554	2,224,482	500
15	FRN-CXV 3x240	37	compact			2,779,830	2,918,821	250
16	FRN-CXV 3x300	37	compact			3,464,338	3,637,555	250
17	FRN-CXV 3x400	61	compact			4,483,939	4,708,136	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	53,231	55,892	2,000
2	FRN-CXV 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	78,058	81,961	2,000
3	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	107,767	113,155	2,000
4	FRN-CXV 3x10x1x6.0	7	compact	7	1.04	162,439	170,561	1,000
5	FRN-CXV 3x16+1x10	7	compact	7	compact	246,145	258,453	1,000
6	FRN-CXV 3x25+1x16	7	compact	7	compact	374,242	392,954	1,000
7	FRN-CXV 3x35+1x16	7	compact	7	compact	485,070	509,323	1,000
8	FRN-CXV 3x35+1x25	7	compact	7	compact	520,994	547,044	1,000
9	FRN-CXV 3x50+1x25	7	compact	7	compact	668,853	702,295	1,000
10	FRN-CXV 3x50+1x35	7	compact	7	compact	705,824	741,116	1,000
11	FRN-CXV 3x70+1x35	19	compact	7	compact	943,026	990,177	1,000
12	FRN-CXV 3x70+1x50	19	compact	7	compact	991,653	1,041,236	1,000
13	FRN-CXV 3x95+1x50	19	compact	7	compact	1,280,480	1,344,504	500
14	FRN-CXV 3x95+1x70	19	compact	19	compact	1,358,707	1,426,643	500
15	FRN-CXV 3x120+1x70	19	compact	19	compact	1,635,160	1,716,918	500
16	FRN-CXV 3x120+1x95	19	compact	19	compact	1,735,774	1,822,562	500
17	FRN-CXV 3x150+1x70	19	compact	19	compact	1,962,163	2,060,271	500
18	FRN-CXV 3x150+1x95	19	compact	19	compact	2,061,405	2,164,475	500
19	FRN-CXV 3x150+1x120	19	compact	19	compact	2,155,270	2,263,034	500
20	FRN-CXV 3x185+1x95	37	compact	19	compact	2,475,292	2,599,057	500
21	FRN-CXV 3x185+1x120	37	compact	19	compact	2,568,793	2,697,233	500
22	FRN-CXV 3x185+1x150	37	compact	19	compact	2,677,272	2,811,136	500
23	FRN-CXV 3x240+1x120	37	compact	19	compact	3,224,816	3,386,057	250
24	FRN-CXV 3x240+1x150	37	compact	19	compact	3,335,456	3,502,229	250
25	FRN-CXV 3x240+1x185	37	compact	37	compact	3,471,776	3,645,364	250
26	FRN-CXV 3x300+1x150	37	compact	19	compact	4,018,964	4,219,912	250
27	FRN-CXV 3x300+1x185	37	compact	37	compact	4,158,725	4,366,661	250
28	FRN-CXV 3x300+1x240	37	compact	37	compact	4,377,409	4,596,279	250
29	FRN-CXV 3x400+1x240	61	compact	37	compact	5,396,193	5,666,003	250
30	FRN-CXV 3x400+1x300	61	compact	37	compact	5,629,210	5,910,671	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY 4 LỖ BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 4x1.5	7	0.52			40,323	42,339	2,000
2	FRN-CXV 4x2.5	7	0.67			57,479	60,353	2,000
3	FRN-CXV 4x4.0	7	0.85			84,114	88,320	2,000
4	FRN-CXV 4x6.0	7	1.04			115,725	121,511	2,000
5	FRN-CXV 4x10	7	compact			177,926	186,822	2,000
6	FRN-CXV 4x16	7	compact			266,818	280,159	1,000
7	FRN-CXV 4x25	7	compact			410,834	431,376	1,000
8	FRN-CXV 4x35	7	compact			559,217	587,178	1,000
9	FRN-CXV 4x50	7	compact			755,501	793,276	1,000
10	FRN-CXV 4x70	19	compact			1,070,817	1,124,358	1,000
11	FRN-CXV 4x95	19	compact			1,459,302	1,532,267	500
12	FRN-CXV 4x120	19	compact			1,827,316	1,918,682	500
13	FRN-CXV 4x150	19	compact			2,265,282	2,378,546	500
14	FRN-CXV 4x185	37	compact			2,813,448	2,954,120	500
15	FRN-CXV 4x240	37	compact			3,691,981	3,876,580	250
16	FRN-CXV 4x300	37	compact			4,611,419	4,841,990	250
17	FRN-CXV 4x400	61	compact			5,962,325	6,260,442	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY 5 LỖ BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 5x1.5	7	0.52			50,275	52,789	2,000
2	FRN-CXV 5x2.5	7	0.67			71,735	75,322	2,000
3	FRN-CXV 5x4.0	7	0.85			105,085	110,339	2,000
4	FRN-CXV 5x6.0	7	1.04			145,040	152,292	2,000
5	FRN-CXV 5x10	7	compact			222,727	233,863	2,000
6	FRN-CXV 5x16	7	compact			334,587	351,316	1,000
7	FRN-CXV 5x25	7	compact			515,937	541,734	1,000
8	FRN-CXV 5x35	7	compact			703,467	738,640	1,000
9	FRN-CXV 5x50	7	compact			950,795	998,335	1,000
10	FRN-CXV 5x70	19	compact			1,347,454	1,414,826	1,000
11	FRN-CXV 5x95	19	compact			1,834,485	1,926,210	500
12	FRN-CXV 5x120	19	compact			2,298,004	2,412,904	500
13	FRN-CXV 5x150	19	compact			2,846,137	2,988,444	500
14	FRN-CXV 5x185	37	compact			3,537,246	3,714,108	500
15	FRN-CXV 5x240	37	compact			4,644,151	4,876,358	250
16	FRN-CXV 5x300	37	compact			5,797,501	6,087,377	250
17	FRN-CXV 5x400	61	compact			7,496,196	7,871,006	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP CAO SU





BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN®

CÁP HÀN HỒ QUANG

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 9615-6/ IEC 60245-6

Quy cách sản phẩm: Cu/NR

Điện áp sử dụng:

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CNR 1x16	497	0.20			71,256	74,819	200
2	CNR 1x25	763	0.20			107,101	112,456	200
3	CNR 1x35	1071	0.20			148,354	155,771	200
4	CNR 1x50	1520	0.20			211,012	221,563	200
5	CNR 1x70	2128	0.20			293,258	307,921	200
6	CNR 1x95	2907	0.20			398,324	418,240	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nèn đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

CADI-SUN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CAO SU 1 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 1x1.5	25	0.26			9,098	9,552	200
2	CRR 1x2.5	42	0.26			13,412	14,083	200
3	CRR 1x4.0	58	0.28			19,443	20,415	200
4	CRR 1x6.0	88	0.28			27,179	28,538	200
5	CRR 1x10	154	0.28			44,659	46,892	2,000
6	CRR 1x16	238	0.28			66,576	69,905	2,000
7	CRR 1x25	371	0.28			101,437	106,509	2,000
8	CRR 1x35	518	0.28			139,554	146,532	1,000
9	CRR 1x50	741	0.28			201,829	211,921	1,000
10	CRR 1x70	418	0.45			287,771	302,160	1,000
11	CRR 1x95	551	0.45			377,590	396,470	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CAO SU 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 2x1.5	25	0.26			21,246	22,308	200
2	CRR 2x2.5	42	0.26			30,215	31,726	200
3	CRR 2x4.0	58	0.28			43,826	46,018	200
4	CRR 2x6.0	88	0.28			59,989	62,988	200
5	CRR 2x10	154	0.28			97,385	102,254	1,000
6	CRR 2x16	238	0.28			143,044	150,196	1,000
7	CRR 2x25	371	0.28			216,484	227,309	1,000
8	CRR 2x35	518	0.28			292,390	307,010	1,000
9	CRR 2x50	741	0.28			419,198	440,158	500
10	CRR 2x70	418	0.45			594,046	623,748	500
11	CRR 2x95	551	0.45			777,113	815,968	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn ben ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CAO SU 3 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 3x1.5	25	0.26			28,485	29,909	200
2	CRR 3x2.5	42	0.26			41,175	43,233	200
3	CRR 3x4.0	58	0.28			60,117	63,123	200
4	CRR 3x6.0	88	0.28			83,679	87,863	200
5	CRR 3x10	154	0.28			138,036	144,938	1,000
6	CRR 3x16	238	0.28			204,996	215,246	1,000
7	CRR 3x25	371	0.28			312,541	328,168	1,000
8	CRR 3x35	518	0.28			427,587	448,966	1,000
9	CRR 3x50	741	0.28			616,745	647,582	500
10	CRR 3x70	418	0.45			878,655	922,588	500
11	CRR 3x95	551	0.45			1,153,565	1,211,243	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CAO SU 4 RUỘT (1 RUỘT TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 3x2.5+1x1.5	42	0.26	25	0.26	48,233	50,644	200
2	CRR 3x4.0+1x2.5	58	0.28	42	0.26	71,090	74,645	200
3	CRR 3x6.0+1x4.0	88	0.28	58	0.28	100,120	105,126	200
4	CRR 3x10+1x6.0	154	0.28	88	0.28	162,276	170,390	200
5	CRR 3x16+1x10	238	0.28	154	0.28	246,327	258,643	1,000
6	CRR 3x25+1x16	371	0.28	238	0.28	374,378	393,097	1,000
7	CRR 3x35+1x16	518	0.28	238	0.28	494,070	518,773	1,000
8	CRR 3x35+1x25	518	0.28	371	0.28	530,580	557,109	1,000
9	CRR 3x50+1x25	741	0.28	371	0.28	712,312	747,927	1,000
10	CRR 3x50+1x35	741	0.28	518	0.28	750,995	788,545	500
11	CRR 3x70+1x35	418	0.45	518	0.28	1,010,053	1,060,555	500
12	CRR 3x70+1x50	418	0.45	741	0.28	1,070,288	1,123,802	500
13	CRR 3x95+1x50	551	0.45	741	0.28	1,342,213	1,409,323	500
14	CRR 3x95+1x70	551	0.45	418	0.45	1,429,902	1,501,397	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CAO SU 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 4x1.5	25	0.26			35,894	37,688	200
2	CRR 4x2.5	42	0.26			52,933	55,580	200
3	CRR 4x4.0	58	0.28			77,146	81,003	200
4	CRR 4x6.0	88	0.28			108,377	113,796	200
5	CRR 4x10	154	0.28			181,104	190,159	200
6	CRR 4x16	238	0.28			269,908	283,404	1,000
7	CRR 4x25	371	0.28			411,695	432,279	1,000
8	CRR 4x35	518	0.28			571,626	600,207	1,000
9	CRR 4x50	741	0.28			815,232	855,993	1,000
10	CRR 4x70	418	0.45			1,162,599	1,220,729	500
11	CRR 4x95	551	0.45			1,530,204	1,606,715	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CÓ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa



CADI-SUN®

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP ĐIỀU KHIỂN



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
1	DVV 2x0.5	20	0.177	7,280	7,644	500
2	DVV 2x0.75	30	0.177	9,938	10,435	500
3	DVV 2x1.0	30	0.200	12,160	12,768	500
4	DVV 2x1.5	30	0.240	16,403	17,223	500
5	DVV 2x2.5	50	0.240	25,659	26,942	500
6	DVV 3x0.5	20	0.177	9,662	10,145	500
7	DVV 3x0.75	30	0.177	13,649	14,331	500
8	DVV 3x1.0	30	0.200	16,717	17,553	500
9	DVV 3x1.5	30	0.240	22,869	24,013	500
10	DVV 3x2.5	50	0.240	36,144	37,951	500
11	DVV 4x0.5	20	0.177	12,562	13,190	500
12	DVV 4x0.75	30	0.177	17,379	18,248	500
13	DVV 4x1.0	30	0.200	21,287	22,352	500
14	DVV 4x1.5	30	0.240	29,380	30,849	500
15	DVV 4x2.5	50	0.240	46,480	48,803	500
16	DVV 5x0.5	20	0.177	15,563	16,341	500
17	DVV 5x0.75	30	0.177	21,782	22,871	500
18	DVV 5x1.0	30	0.200	26,620	27,951	500
19	DVV 5x1.5	30	0.240	36,759	38,597	500
20	DVV 5x2.5	50	0.240	57,832	60,724	500
21	DVV 6x0.5	20	0.177	18,541	19,468	500
22	DVV 6x0.75	30	0.177	25,612	26,892	500
23	DVV 6x1.0	30	0.200	31,787	33,376	500
24	DVV 6x1.5	30	0.240	44,144	46,352	500
25	DVV 6x2.5	50	0.240	69,501	72,976	500
26	DVV 7x0.5	20	0.177	20,787	21,827	500
27	DVV 7x0.75	30	0.177	29,376	30,845	500
28	DVV 7x1.0	30	0.200	36,114	37,919	500
29	DVV 7x1.5	30	0.240	49,755	52,243	500
30	DVV 7x2.5	50	0.240	79,235	83,197	500

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
31	DVV 8x0.5	20	0.177	23,508	24,683	500
32	DVV 8x0.75	30	0.177	32,989	34,639	500
33	DVV 8x1.0	30	0.200	40,470	42,494	500
34	DVV 8x1.5	30	0.240	55,981	58,780	500
35	DVV 8x2.5	50	0.240	89,509	93,984	500
36	DVV 9x0.5	20	0.177	29,157	30,615	500
37	DVV 9x0.75	30	0.177	38,721	40,657	500
38	DVV 9x1.0	30	0.200	46,926	49,273	500
39	DVV 9x1.5	30	0.240	64,314	67,530	500
40	DVV 9x2.5	50	0.240	101,858	106,951	500
41	DVV 10x0.5	20	0.177	31,927	33,523	200
42	DVV 10x0.75	30	0.177	42,674	44,807	200
43	DVV 10x1.0	30	0.200	51,776	54,365	200
44	DVV 10x1.5	30	0.240	71,252	74,814	200
45	DVV 10x2.5	50	0.240	113,209	118,869	200
46	DVV 12x0.5	20	0.177	36,899	38,744	200
47	DVV 12x0.75	30	0.177	49,662	52,145	200
48	DVV 12x1.0	30	0.200	61,109	64,165	200
49	DVV 12x1.5	30	0.240	83,679	87,863	200
50	DVV 12x2.5	50	0.240	133,681	140,365	200
51	DVV 14x0.5	20	0.177	41,398	43,468	200
52	DVV 14x0.75	30	0.177	57,602	60,482	200
53	DVV 14x1.0	30	0.200	70,066	73,569	200
54	DVV 14x1.5	30	0.240	97,030	101,881	200
55	DVV 14x2.5	50	0.240	155,359	163,127	200
56	DVV 16x0.5	20	0.177	46,226	48,538	200
57	DVV 16x0.75	30	0.177	64,285	67,499	200
58	DVV 16x1.0	30	0.200	78,810	82,750	200
59	DVV 16x1.5	30	0.240	109,196	114,656	200
60	DVV 16x2.5	50	0.240	175,452	184,225	200
61	DVV 18x0.5	20	0.177	51,457	54,030	200
62	DVV 18x0.75	30	0.177	71,807	75,397	200
63	DVV 18x1.0	30	0.200	87,803	92,194	200
64	DVV 18x1.5	30	0.240	122,190	128,300	200
65	DVV 18x2.5	50	0.240	197,204	207,065	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADISUN®**

CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
66	DVV 19x0.5	20	0.177	53,743	56,430	200
67	DVV 19x0.75	30	0.177	75,100	78,855	200
68	DVV 19x1.0	30	0.200	92,375	96,994	200
69	DVV 19x1.5	30	0.240	128,733	135,170	200
70	DVV 19x2.5	50	0.240	207,508	217,884	200
71	DVV 20x0.5	20	0.177	56,848	59,690	200
72	DVV 20x0.75	30	0.177	79,108	83,064	200
73	DVV 20x1.0	30	0.200	97,743	102,630	200
74	DVV 20x1.5	30	0.240	136,160	142,968	200
75	DVV 20x2.5	50	0.240	219,651	230,634	200
76	DVV 22x0.5	20	0.177	62,012	65,113	200
77	DVV 22x0.75	30	0.177	86,924	91,270	200
78	DVV 22x1.0	30	0.200	107,016	112,366	200
79	DVV 22x1.5	30	0.240	149,876	157,370	200
80	DVV 22x2.5	50	0.240	242,508	254,633	200
81	DVV 24x0.5	20	0.177	67,618	70,999	200
82	DVV 24x0.75	30	0.177	94,890	99,634	200
83	DVV 24x1.0	30	0.200	116,898	122,743	200
84	DVV 24x1.5	30	0.240	163,376	171,544	200
85	DVV 24x2.5	50	0.240	263,522	276,698	200
86	DVV 26x0.5	20	0.177	72,195	75,805	200
87	DVV 26x0.75	30	0.177	101,628	106,709	200
88	DVV 26x1.0	30	0.200	125,805	132,095	200
89	DVV 26x1.5	30	0.240	175,879	184,673	200
90	DVV 26x2.5	50	0.240	283,410	297,580	200
91	DVV 28x0.5	20	0.177	77,515	81,390	200
92	DVV 28x0.75	30	0.177	109,281	114,745	200
93	DVV 28x1.0	30	0.200	135,391	142,161	200
94	DVV 28x1.5	30	0.240	189,537	199,013	200
95	DVV 28x2.5	50	0.240	306,236	321,548	200
96	DVV 30x0.5	20	0.177	82,455	86,578	200
97	DVV 30x0.75	30	0.177	116,421	122,242	200
98	DVV 30x1.0	30	0.200	144,449	151,671	200
99	DVV 30x1.5	30	0.240	202,074	212,177	200
100	DVV 30x2.5	50	0.240	326,736	343,073	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HẠ
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/SB/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
1	DVV/SB 2x0.5	20	0.177	14,368	15,086	500
2	DVV/SB 2x0.75	30	0.177	17,082	17,936	500
3	DVV/SB 2x1.0	30	0.200	19,323	20,289	500
4	DVV/SB 2x1.5	30	0.240	23,580	24,759	500
5	DVV/SB 2x2.5	50	0.240	32,015	33,616	500
6	DVV/SB 3x0.5	20	0.177	17,227	18,088	500
7	DVV/SB 3x0.75	30	0.177	20,900	21,945	500
8	DVV/SB 3x1.0	30	0.200	24,232	25,444	500
9	DVV/SB 3x1.5	30	0.240	30,586	32,115	500
10	DVV/SB 3x2.5	50	0.240	43,299	45,464	500
11	DVV/SB 4x0.5	20	0.177	19,969	20,967	500
12	DVV/SB 4x0.75	30	0.177	25,023	26,274	500
13	DVV/SB 4x1.0	30	0.200	27,885	29,280	500
14	DVV/SB 4x1.5	30	0.240	36,658	38,491	500
15	DVV/SB 4x2.5	50	0.240	55,798	58,588	500
16	DVV/SB 5x0.5	20	0.177	23,513	24,689	500
17	DVV/SB 5x0.75	30	0.177	28,458	29,881	500
18	DVV/SB 5x1.0	30	0.200	34,160	35,868	500
19	DVV/SB 5x1.5	30	0.240	44,540	46,767	500
20	DVV/SB 5x2.5	50	0.240	67,213	70,573	500
21	DVV/SB 6x0.5	20	0.177	25,453	26,725	500
22	DVV/SB 6x0.75	30	0.177	33,108	34,763	500
23	DVV/SB 6x1.0	30	0.200	39,187	41,146	500
24	DVV/SB 6x1.5	30	0.240	52,211	54,822	500
25	DVV/SB 6x2.5	50	0.240	78,434	82,356	500
26	DVV/SB 7x0.5	20	0.177	28,976	30,425	500
27	DVV/SB 7x0.75	30	0.177	38,362	40,280	500
28	DVV/SB 7x1.0	30	0.200	44,792	47,032	500
29	DVV/SB 7x1.5	30	0.240	59,549	62,527	500
30	DVV/SB 7x2.5	50	0.240	91,227	95,788	300

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/SB/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
31	DVV/SB 8x0.5	20	0.177	33,796	35,485	500
32	DVV/SB 8x0.75	30	0.177	43,298	45,463	500
33	DVV/SB 8x1.0	30	0.200	50,420	52,941	500
34	DVV/SB 8x1.5	30	0.240	67,852	71,244	500
35	DVV/SB 8x2.5	50	0.240	102,966	108,114	300
36	DVV/SB 9x0.5	20	0.177	36,507	38,332	500
37	DVV/SB 9x0.75	30	0.177	47,188	49,547	500
38	DVV/SB 9x1.0	30	0.200	56,982	59,831	500
39	DVV/SB 9x1.5	30	0.240	75,256	79,019	500
40	DVV/SB 9x2.5	50	0.240	116,194	122,004	300
41	DVV/SB 10x0.5	20	0.177	40,328	42,344	200
42	DVV/SB 10x0.75	30	0.177	52,452	55,074	200
43	DVV/SB 10x1.0	30	0.200	62,205	65,315	200
44	DVV/SB 10x1.5	30	0.240	82,707	86,843	200
45	DVV/SB 10x2.5	50	0.240	126,620	132,952	200
46	DVV/SB 12x0.5	20	0.177	45,632	47,914	200
47	DVV/SB 12x0.75	30	0.177	60,058	63,061	200
48	DVV/SB 12x1.0	30	0.200	71,250	74,812	200
49	DVV/SB 12x1.5	30	0.240	95,954	100,751	200
50	DVV/SB 12x2.5	50	0.240	148,081	155,485	200
51	DVV/SB 14x0.5	20	0.177	51,164	53,723	200
52	DVV/SB 14x0.75	30	0.177	67,752	71,140	200
53	DVV/SB 14x1.0	30	0.200	81,603	85,683	200
54	DVV/SB 14x1.5	30	0.240	110,451	115,973	200
55	DVV/SB 14x2.5	50	0.240	170,173	178,682	200
56	DVV/SB 16x0.5	20	0.177	56,050	58,853	200
57	DVV/SB 16x0.75	30	0.177	75,273	79,036	200
58	DVV/SB 16x1.0	30	0.200	90,231	94,743	200
59	DVV/SB 16x1.5	30	0.240	122,607	128,737	200
60	DVV/SB 16x2.5	50	0.240	192,361	201,979	200
61	DVV/SB 18x0.5	20	0.177	61,257	64,320	200
62	DVV/SB 18x0.75	30	0.177	82,755	86,893	200
63	DVV/SB 18x1.0	30	0.200	99,528	104,504	200
64	DVV/SB 18x1.5	30	0.240	136,122	142,928	200
65	DVV/SB 18x2.5	50	0.240	214,274	224,988	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/SB/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
66	DVV/SB 19x0.5	20	0.177	64,231	67,442	200
67	DVV/SB 19x0.75	30	0.177	86,617	90,948	200
68	DVV/SB 19x1.0	30	0.200	104,319	109,535	200
69	DVV/SB 19x1.5	30	0.240	142,423	149,544	200
70	DVV/SB 19x2.5	50	0.240	225,325	236,592	200
71	DVV/SB 20x0.5	20	0.177	67,258	70,621	200
72	DVV/SB 20x0.75	30	0.177	90,959	95,506	200
73	DVV/SB 20x1.0	30	0.200	110,841	116,383	200
74	DVV/SB 20x1.5	30	0.240	152,309	159,925	200
75	DVV/SB 20x2.5	50	0.240	237,271	249,134	200
76	DVV/SB 22x0.5	20	0.177	73,439	77,111	200
77	DVV/SB 22x0.75	30	0.177	99,887	104,882	200
78	DVV/SB 22x1.0	30	0.200	120,602	126,632	200
79	DVV/SB 22x1.5	30	0.240	166,643	174,976	200
80	DVV/SB 22x2.5	50	0.240	260,923	273,969	200
81	DVV/SB 24x0.5	20	0.177	79,039	82,991	200
82	DVV/SB 24x0.75	30	0.177	107,880	113,274	200
83	DVV/SB 24x1.0	30	0.200	130,886	137,430	200
84	DVV/SB 24x1.5	30	0.240	180,297	189,312	200
85	DVV/SB 24x2.5	50	0.240	283,647	297,830	200
86	DVV/SB 26x0.5	20	0.177	83,978	88,177	200
87	DVV/SB 26x0.75	30	0.177	115,017	120,767	200
88	DVV/SB 26x1.0	30	0.200	139,392	146,361	200
89	DVV/SB 26x1.5	30	0.240	192,821	202,462	200
90	DVV/SB 26x2.5	50	0.240	304,128	319,334	200
91	DVV/SB 28x0.5	20	0.177	90,483	95,007	200
92	DVV/SB 28x0.75	30	0.177	123,135	129,291	200
93	DVV/SB 28x1.0	30	0.200	150,050	157,553	200
94	DVV/SB 28x1.5	30	0.240	207,070	217,423	200
95	DVV/SB 28x2.5	50	0.240	328,974	345,423	200
96	DVV/SB 30x0.5	20	0.177	95,444	100,216	200
97	DVV/SB 30x0.75	30	0.177	130,295	136,810	200
98	DVV/SB 30x1.0	30	0.200	159,005	166,955	200
99	DVV/SB 30x1.5	30	0.240	219,627	230,609	200
100	DVV/SB 30x2.5	50	0.240	348,864	366,307	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]
Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
★ ★ ★ ★ ★

CÁP NHÔM HẠ THẾ



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP NHÔM TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/SĐ1:1995
Quy cách sản phẩm: AI (bện tròn cấp 2)

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/kg)	Giá bán lẻ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	A 10	7	1.35			149,315	156,781	12,000
2	A 16	7	1.70			142,335	149,452	12,000
3	A 25	7	2.13			138,470	145,393	8,000
4	A 35	7	2.51			134,564	141,292	6,000
5	A 50	7	3.00			133,051	139,703	6,000
6	A 70	7	3.55			132,300	138,915	8,000
7	A 95	7	4.10			131,838	138,430	6,000
8	A 120	19	2.80			132,464	139,087	6,000
9	A 150	19	3.15			132,286	138,900	4,000
10	A 185	37	2.51			132,815	139,456	3,000
11	A 240	37	2.87			131,854	138,446	2,000
12	A 300	37	3.15			131,974	138,573	2,000
13	A 400	37	3.66			131,935	138,531	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP NHÔM TRẦN LỖ THÉP

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/SĐ1:1995

Quy cách: Fe/Al

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/kg)	Giá bán lẻ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	As 10/1.8	1	1.50	6	1.50	115,084	120,838	14,000
2	As 16/2.7	1	1.85	6	1.85	111,352	116,920	9,400
3	As 25/4.2	1	2.30	6	2.30	108,922	114,368	6,100
4	As 35/6.2	1	2.80	6	2.80	104,587	109,816	4,100
5	As 50/8.0	1	3.20	6	3.20	103,892	109,087	3,100
6	As 70/11	1	3.80	6	3.80	103,499	108,674	2,300
7	As 70/72	19	2.20	18	2.20	73,349	77,017	2,200
8	As 95/16	1	4.50	6	4.50	103,395	108,565	1,600
9	As 95/141	37	2.20	24	2.20	71,262	74,825	1,100
10	As 120/19	7	1.85	26	2.40	107,082	112,436	3,100
11	As 120/27	7	2.20	30	2.20	99,361	104,329	3,300
12	As 150/19	7	1.85	24	2.80	110,866	116,410	3,100
13	As 150/24	7	2.10	26	2.70	105,894	111,189	3,500
14	As 150/34	7	2.50	30	2.50	98,356	103,274	2,500
15	As 185/24	7	2.10	24	3.15	109,288	114,753	3,500
16	As 185/29	7	2.30	26	2.98	106,143	111,450	2,000
17	As 185/43	7	2.80	30	2.80	99,857	104,850	2,000
18	As 185/128	37	2.10	54	2.10	77,961	81,859	1,200
19	As 240/32	7	2.40	24	3.60	108,979	114,428	1,800
20	As 240/39	7	2.65	26	3.40	104,327	109,544	1,500
21	As 240/56	7	3.20	30	3.20	99,282	104,246	1,500
22	As 300/39	7	2.65	24	4.00	108,248	113,660	1,500
23	As 300/48	7	2.95	26	3.80	109,570	115,049	1,200
24	As 300/66	19	2.10	30	3.50	99,679	104,663	1,200
25	As 300/67	7	3.50	30	3.50	98,725	103,661	1,300
26	As 300/204	37	2.65	54	2.65	76,614	80,445	700
27	As 330/30	7	2.30	48	2.98	118,259	124,172	1,500
28	As 330/43	7	2.80	54	2.80	111,769	117,357	1,000
29	As 400/18	7	1.85	42	3.40	124,170	130,378	1,500
30	As 400/51	7	3.05	54	3.05	109,558	115,036	1,700
31	As 400/64	7	3.40	26	4.37	105,882	111,176	1,400
32	As 400/93	19	2.50	30	4.15	100,162	105,170	1,700

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NHÔM ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1:2005

Quy cách: AI/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AV 1x16 (V-75)	7	compact			8,054	8,457	500
2	AV 1x25 (V-75)	7	compact			11,923	12,520	500
3	AV 1x35 (V-75)	7	compact			15,720	16,506	4,000
4	AV 1x50 (V-75)	7	compact			21,486	22,560	3,000
5	AV 1x70 (V-75)	19	compact			30,084	31,589	2,000
6	AV 1x95 (V-75)	19	compact			41,106	43,162	1,500
7	AV 1x120 (V-75)	19	compact			50,777	53,315	1,000
8	AV 1x150 (V-75)	19	compact			62,736	65,873	1,000
9	AV 1x185 (V-75)	37	compact			77,903	81,799	500
10	AV 1x240 (V-75)	37	compact			100,279	105,293	500
11	AV 1x300 (V-75)	37	compact			124,332	130,549	500
12	AV 1x400 (V-75)	61	compact			164,809	173,050	250
13	AV 1x500 (V-75)	61	compact			202,354	212,472	250
14	AV 1x630 (V-75)	61	compact			252,755	265,392	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bọc ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NHÔM ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, CÓ VỎ BỌC NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: AI/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AXV 10	7	compact			7,885	8,279	500
2	AXV 16	7	compact			10,115	10,620	500
3	AXV 25	7	compact			14,525	15,251	3,000
4	AXV 35	7	compact			18,376	19,295	3,000
5	AXV 50	7	compact			24,008	25,209	3,000
6	AXV 70	19	compact			32,848	34,491	2,000
7	AXV 95	19	compact			43,751	45,938	2,000
8	AXV 120	19	compact			54,377	57,096	1,000
9	AXV 150	19	compact			67,203	70,563	1,000
10	AXV 185	37	compact			82,360	86,478	1,000
11	AXV 240	37	compact			105,805	111,095	1,000
12	AXV 300	37	compact			129,641	136,123	1,000
13	AXV 400	61	compact			170,865	179,408	1,000
14	AXV 500	61	compact			209,596	220,076	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADISUN®**

CÁP NHÔM 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: AI/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AXV 4x10	7	compact			29,411	30,882	2,000
2	AXV 4x16	7	compact			40,039	42,041	2,000
3	AXV 4x25	7	compact			56,898	59,743	2,000
4	AXV 4x35	7	compact			72,589	76,219	1,000
5	AXV 4x50	7	compact			96,022	100,823	1,000
6	AXV 4x70	19	compact			134,945	141,692	1,000
7	AXV 4x95	19	compact			179,370	188,338	500
8	AXV 4x120	19	compact			222,538	233,665	500
9	AXV 4x150	19	compact			274,145	287,852	500
10	AXV 4x185	37	compact			337,441	354,313	500
11	AXV 4x240	37	compact			430,611	452,142	250
12	AXV 4x300	37	compact			532,639	559,271	250
13	AXV 4x400	61	compact			709,750	745,237	250
14	AXV 4x500	61	compact			870,895	914,439	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP NGẮM NHÔM 4 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: AI/XLPE/ADSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ADSTA 3x16+1x10	7	compact	7	compact	50,577	53,106	1,000
2	ADSTA 3x25+1x16	7	compact	7	compact	67,943	71,340	1,000
3	ADSTA 3x35+1x16	7	compact	7	compact	80,584	84,613	1,000
4	ADSTA 3x35+1x25	7	compact	7	compact	86,697	91,032	1,000
5	ADSTA 3x50+1x25	7	compact	7	compact	105,549	110,827	1,000
6	ADSTA 3x50+1x35	7	compact	7	compact	112,276	117,889	1,000
7	ADSTA 3x70+1x35	19	compact	7	compact	156,957	164,805	1,000
8	ADSTA 3x70+1x50	19	compact	7	compact	164,139	172,346	1,000
9	ADSTA 3x95+1x50	19	compact	7	compact	200,668	210,702	1,000
10	ADSTA 3x95+1x70	19	compact	19	compact	211,306	221,871	1,000
11	ADSTA 3x120+1x70	19	compact	19	compact	250,859	263,402	500
12	ADSTA 3x120+1x95	19	compact	19	compact	264,338	277,555	500
13	ADSTA 3x150+1x70	19	compact	19	compact	295,040	309,792	500
14	ADSTA 3x150+1x95	19	compact	19	compact	306,668	322,001	500
15	ADSTA 3x150+1x120	19	compact	19	compact	320,824	336,865	500
16	ADSTA 3x185+1x95	37	compact	19	compact	358,968	376,917	500
17	ADSTA 3x185+1x120	37	compact	19	compact	375,576	394,355	500
18	ADSTA 3x185+1x150	37	compact	19	compact	389,510	408,985	250
19	ADSTA 3x240+1x120	37	compact	19	compact	450,425	472,946	250
20	ADSTA 3x240+1x150	37	compact	19	compact	466,267	489,580	250
21	ADSTA 3x240+1x185	37	compact	37	compact	482,540	506,667	250
22	ADSTA 3x300+1x150	37	compact	19	compact	550,725	578,262	250
23	ADSTA 3x300+1x185	37	compact	37	compact	569,781	598,270	250
24	ADSTA 3x300+1x240	37	compact	37	compact	595,812	625,603	250
25	ADSTA 3x400+1x240	61	compact	37	compact	735,240	772,002	250
26	ADSTA 3x400+1x300	61	compact	37	compact	767,913	806,308	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN **CADISUN®**

CÁP NGẮM NHÔM 4 RUỘT (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: AI/XLPE/ADSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ADSTA 4x16	7	compact			53,994	56,694	1,000
2	ADSTA 4x25	7	compact			73,613	77,294	1,000
3	ADSTA 4x35	7	compact			91,381	95,950	1,000
4	ADSTA 4x50	7	compact			119,279	125,242	500
5	ADSTA 4x70	19	compact			173,952	182,649	500
6	ADSTA 4x95	19	compact			223,580	234,759	500
7	ADSTA 4x120	19	compact			276,393	290,213	500
8	ADSTA 4x150	19	compact			335,341	352,108	250
9	ADSTA 4x185	37	compact			405,698	425,983	250
10	ADSTA 4x240	37	compact			512,140	537,747	250
11	ADSTA 4x300	37	compact			619,300	650,265	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NHÔM LỖI THÉP BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Fe/Al/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AsV 16/2.7	1	1.85	6	1.85	9,431	9,902	7,500
2	AsV 25/4.2	1	2.30	6	2.30	14,151	14,858	5,500
3	AsV 35/6.2	1	2.80	6	2.80	19,308	20,273	4,000
4	AsV 50/8.0	1	3.20	6	3.20	25,045	26,297	3,100
5	AsV 70/11	1	3.80	6	3.80	34,039	35,741	3,000
6	AsV 95/16	1	4.50	6	4.50	47,455	49,828	2,700
7	AsV 120/19	7	1.85	26	2.40	57,125	59,981	2,000
8	AsV 120/27	7	2.20	30	2.20	58,506	61,431	2,000
9	AsV 150/19	7	1.85	24	2.80	69,657	73,140	2,000
10	AsV 150/24	7	2.10	26	2.70	71,933	75,530	2,000
11	AsV 150/34	7	2.50	30	2.50	76,004	79,805	2,000
12	AsV 185/29	7	2.30	26	2.98	87,385	91,755	1,000
13	AsV 185/43	7	2.80	30	2.80	93,674	98,358	1,000
14	AsV 240/32	7	2.40	24	3.60	114,131	119,837	1,000
15	AsV 240/56	7	3.20	30	3.20	121,648	127,730	1,000
16	AsV 300/39	7	2.65	24	4.00	140,074	147,078	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN®

CÁP NHÔM BÊN ÉP VẶN XOẮN 2 RUỘT

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6447:1998

Quy cách: AI/XLPE

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ABC 2x16	7	compact			16,979	17,828	2,000
2	ABC 2x25	7	compact			23,721	24,907	2,000
3	ABC 2x35	7	compact			30,835	32,376	1,500
4	ABC 2x50	7	compact			42,034	44,136	1,000
5	ABC 2x70	19	compact			58,431	61,352	800
6	ABC 2x95	19	compact			79,558	83,535	600
7	ABC 2x120	19	compact			98,137	103,044	500
8	ABC 2x150	19	compact			120,099	126,104	500
9	ABC 2x185	37	compact			149,528	157,004	500
10	ABC 2x240	37	compact			190,390	199,909	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NHÔM BÊN ÉP VẠN XOẮN 3 RUỘT

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6447:1998
Quy cách: AI/XLPE
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ABC 3x16	7	compact			24,824	26,066	2,000
2	ABC 3x25	7	compact			35,108	36,863	2,000
3	ABC 3x35	7	compact			45,342	47,610	1,500
4	ABC 3x50	7	compact			61,901	64,996	1,000
5	ABC 3x70	19	compact			86,311	90,627	800
6	ABC 3x95	19	compact			117,668	123,551	600
7	ABC 3x120	19	compact			146,665	153,999	500
8	ABC 3x150	19	compact			179,551	188,529	500
9	ABC 3x185	37	compact			221,402	232,472	500
10	ABC 3x240	37	compact			285,753	300,041	500

CÁP NHÔM BÊN ÉP VẠN XOẮN 4 RUỘT

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6447:1998
Quy cách: AI/XLPE
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ABC 4x16	7	compact			32,518	34,143	2,000
2	ABC 4x25	7	compact			46,306	48,622	2,000
3	ABC 4x35	7	compact			60,495	63,520	1,500
4	ABC 4x50	7	compact			82,447	86,569	1,000
5	ABC 4x70	19	compact			115,041	120,793	800
6	ABC 4x95	19	compact			156,908	164,753	600
7	ABC 4x120	19	compact			194,568	204,296	500
8	ABC 4x150	19	compact			238,250	250,163	500
9	ABC 4x185	37	compact			294,937	309,684	500
10	ABC 4x240	37	compact			379,527	398,504	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]
Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
★ ★ ★ ★ ★

DÂY DÂN DỤNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

DÂY XÚP DÍNH

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 01:2012/CADI-SUN
Quy cách: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 250V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCmD 2x0.5	20	0.177			4,614	4,845	100
2	VCmD 2x0.75	30	0.177			6,619	6,950	100
3	VCmD 2x1.0	30	0.20			8,302	8,717	100
4	VCmD 2x1.5	30	0.24			11,685	12,269	100
5	VCmD 2x2.5	50	0.24			18,871	19,814	100

DÂY ĐƠN MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3/ IEC 60227-3
Quy cách: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V và 450/750V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
ĐIỆN ÁP 300/500V, DÙNG ĐỂ LẮP ĐẶT BÊN TRONG								
1	VCSF 1x0.5	20	0.177			2,294	2,409	200
2	VCSF 1x0.75	30	0.177			3,290	3,454	200
3	VCSF 1x1.0	30	0.20			4,071	4,275	200
ĐIỆN ÁP 450/750V, DÙNG ĐỂ LẮP ĐẶT CỐ ĐỊNH								
4	VCSF 1x1.5	30	0.24			5,793	6,083	100
5	VCSF 1x2.5	50	0.24			9,423	9,894	100
6	VCSF 1x4.0	52	0.30			14,961	15,709	100
7	VCSF 1x6.0	80	0.30			22,877	24,021	100
8	VCSF 1x10.0	140	0.30			40,410	42,430	100

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: **AS/NZS 5000.1:2005**

Quy cách: **Cu/PVC**

Điện áp sử dụng: **0.6/1kV**

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CV 1x1.5 (V-75)	7	0.52			6,138	6,445	100
2	CV 1x2.5 (V-75)	7	0.67			9,899	10,394	100
3	CV 1x4.0 (V-75)	7	0.85			16,132	16,938	100
4	CV 1x6.0 (V-75)	7	1.04			23,447	24,619	100
5	CV 1x10 (V-75)	7	compact			37,909	39,804	100

DÂY ÔVAN 2 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: **TCVN 6610-5/ IEC 60227-5**

Quy cách: **Cu/PVC/PVC**

Điện áp sử dụng: **300/500V**

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTFK 2x0.75	30	0.177			7,429	7,800	100 & 200
2	VCTFK 2x1.0	30	0.20			9,156	9,614	100 & 200
3	VCTFK 2x1.5	30	0.24			12,664	13,297	100 & 200
4	VCTFK 2x2.5	50	0.24			20,494	21,519	100 & 200
5	VCTFK 2x4.0	52	0.30			32,418	34,039	100 & 200
6	VCTFK 2x6.0	80	0.30			48,804	51,244	100 & 200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

DÂY TRÒN 2 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 2x0.75	30	0.177			8,244	8,656	200
2	VCTF 2x1.0	30	0.20			10,038	10,540	200
3	VCTF 2x1.5	30	0.24			13,861	14,554	200
4	VCTF 2x2.5	50	0.24			22,258	23,371	200
5	VCTF 2x4.0	52	0.30			34,846	36,589	200
6	VCTF 2x6.0	80	0.30			51,978	54,577	200

DÂY TRÒN 3 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 3x0.75	30	0.177			11,438	12,010	200
2	VCTF 3x1.0	30	0.20			14,182	14,891	200
3	VCTF 3x1.5	30	0.24			19,701	20,686	200
4	VCTF 3x2.5	50	0.24			32,164	33,772	200
5	VCTF 3x4.0	52	0.30			49,717	52,203	200
6	VCTF 3x6.0	80	0.30			75,321	79,087	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

DÂY TRÒN 4 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5

Quy cách: Cu/PVC/PVC

Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 4x0.75	30	0.177			14,755	15,492	200
2	VCTF 4x1.0	30	0.20			18,416	19,337	200
3	VCTF 4x1.5	30	0.24			25,815	27,106	200
4	VCTF 4x2.5	50	0.24			41,862	43,955	200
5	VCTF 4x4.0	52	0.30			65,258	68,520	200
6	VCTF 4x6.0	80	0.30			98,786	103,725	200

DÂY TRÒN 5 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5

Quy cách: Cu/PVC/PVC

Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 5x0.75	30	0.177			19,136	20,093	200
2	VCTF 5x1.0	30	0.20			23,553	24,731	200
3	VCTF 5x1.5	30	0.24			33,327	34,993	200
4	VCTF 5x2.5	50	0.24			53,587	56,266	200
5	VCTF 5x4.0	52	0.30			83,455	87,628	200
6	VCTF 5x6.0	80	0.30			125,692	131,977	200

DÂY ĐƠN LỖI ĐỒNG 1 SỢI CỨNG

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3/ IEC 60227-3

Quy cách: Cu/PVC

Điện áp sử dụng: 450/750V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCSH 1x1.5	1	1.38			5,969	6,267	200
2	VCSH 1x2.5	1	1.75			9,492	9,967	200
3	VCSH 1x4.0	1	2.25			15,431	16,203	200
4	VCSH 1x6.0	1	2.77			23,130	24,287	100

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỢNG ĐÌNH
THƯƠNG ĐÌNH ELECTRICAL WIRES AND CABLES ., JSC

Địa chỉ: Ngõ 320 đường Khương Đình, Cụm 3, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: +84 243 858 8565

Fax: +84 243 858 8566

Email: info@cadisun.com.vn

Website: www.cadisun.com.vn